

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 1617/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05-12-2017

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Loan

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 420/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1971; địa chỉ: đường Nguyễn Văn M, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bị đơn: Ông Hà Hoàng M, sinh năm 1971; địa chỉ: Số đường Nguyễn Văn M, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa; nguyên đơn là bà Bùi Thị Ngọc H đã trình bày:

Bà và ông Hà Hoàng M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận A, Thành phố

Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng của bà hạnh phúc bình thường nhưng thời gian sau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M không chăm lo làm ăn, không chăm sóc gia đình, vợ con, thường xuyên uống rượu về quây phá gia đình, gây mất an ninh, gây xáo trộn cuộc sống trong gia đình. Mặc dù bà đã rất nhiều lần khuyên can ông M để có hướng khắc phục và cùng bà chăm sóc gia đình nhưng ông M vẫn không thay đổi. Nay cảm thấy hạnh phúc gia đình không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Hoàng M.

Trong quá trình chung sống bà và ông Hà Hoàng M có 02 người con chung tên: Hà Hoàng PH, sinh năm 1997 (đã trưởng thành); Hà Hoàng Minh C, sinh ngày 01/9/2003. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu C vì từ trước đến nay bà là người trực tiếp chăm sóc con. Do có đủ điều kiện nuôi con nên bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa bà H xác định hiện nay bà không còn tình cảm với ông M, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa; bị đơn là ông Hà Hoàng M đã trình bày:

Ông M xác định giữa ông và bà H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo luật định. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà H có 02 con như bà H đã trình bày. Tuy nhiên ông M cho rằng cuộc sống vợ chồng ông vẫn hạnh phúc bình thường. Trong cuộc sống vợ chồng đôi khi cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng. Ông cũng thường xuyên chăm sóc gia đình, chăm sóc vợ con, ông xác định hiện tại ông vẫn còn tình cảm yêu thương bà H. Mặt khác ông cũng không muốn vợ chồng ông ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông được sống đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc gia đình, chăm sóc và nuôi dạy các con được tốt.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận A thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được đưa ra xét xử theo thời gian luật định quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể : đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo

đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn năm 1998, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Ngọc H và ông Hà Hoàng M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà H và ông M chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra tranh cãi, bất đồng, hiện không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung; căn cứ kết quả thu thập chứng cứ tại Hội phụ nữ phường 17 quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H; Giao con chung là trẻ Hà Hoàng Minh C, sinh ngày 01/9/2003 cho bà H nuôi dưỡng; đối với con chung tên Hà Hoàng PH đã trưởng thành. Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông M; Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông M không yêu cầu giải quyết; Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Bà Bùi Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hà Hoàng M. Ông M cư trú tại địa chỉ: đường Nguyễn Văn M, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ số 139 ngày 14/02/2017 của Công an Phường I, quận J và kết quả thu thập tài liệu chứng cứ số 138 ngày 14/02/2017 của Công an Phường M, quận G). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu của bà Bùi Thị Ngọc H được ly hôn với ông Hà Hoàng M; Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa bà H và ông M là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 00145, quyền số

01/1998 ngày 30/10/1998 (đã bị thất lạc) và bản sao giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/10/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, quận A.

[3] Căn cứ lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông M của Hội phụ nữ phường T và Công an phường T, quận Gò Vấp, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông M là có mâu thuẫn từ lâu, thường xảy ra gây gổ, gây mất trật tự khu phố, nguyên nhân của sự mâu thuẫn là do ông M hay đi nhậu về chửi bới, đánh đập bà H, ông M lo chơi cờ bạc không tu chí làm ăn, không phụ tài chính để chăm sóc con dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Mặt khác, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ cả hai bên, nhưng từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến nay, Tòa án cũng đã tạo điều kiện về thời gian để bà H và ông M có thể tự hòa giải những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống nhưng không thành. Tại phiên Tòa bà H cũng đã xác định hiện nay bà không còn tình cảm đối với ông M. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông M không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Ngọc H đối với ông Hà Hoàng M.

[4] Về quan hệ con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Hà Hoàng Minh C, sinh ngày 01/9/2003: Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét đến quyền lợi của con chưa thành niên. Căn cứ theo lời khai của bà H và kết quả thu thập chứng cứ của Hội phụ nữ phường T quận M thì hiện nay trẻ C đang chung sống cùng bà H. Hiện nay, ông M không ở nhà thường xuyên, không có điều kiện cũng như thời gian để chăm sóc con. Ngoài ra nguyện vọng của trẻ Minh C cũng muốn được sống chung với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Hà Hoàng Minh Thư cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với qui định pháp luật. Do có đủ điều kiện nuôi con nên bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông M.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí:

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố

tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Ngọc H

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1971 được ly hôn với ông Hà Hoàng M, sinh năm 1971.

Giấy chứng nhận kết hôn số 00145, quyển số 01/1998 ngày 30/10/1998 do Ủy ban nhân dân phường T quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà H và ông M không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là trẻ Hà Hoàng Minh C, sinh ngày 01/9/2003 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông M do bà H không có yêu cầu.

- Ông M được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết hoặc khi có lý do chính đáng một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008751 ngày 21/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận J, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Quận Gò Vấp;
- UBND phường 16 Q. Gò Vấp
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quốc Việt

